

Vườn Quốc gia Ba Bể

Tên khác:

Không

Tỉnh:

Bắc Kạn

Diện tích:

7.610 ha

Toạ độ:

22°21' - 22°30'N, 105°34' - 105°36'E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đông Bắc

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B, C

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Có - 2003

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có Bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Ba Bể là khu văn hoá lịch sử theo Quyết định số 41-TTg, ngày 24/1/1977 của Thủ tướng Chính phủ, với diện tích 5.000 ha. Ba Bể cũng được nhắc lại trong Nghị định 194/CT, ngày 9/8/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng, và giao cho Bộ Lâm nghiệp và các cơ quan chức năng tiến hành khảo sát và xây dựng dự án đầu tư cho Ba Bể (Anon. 1995).

Năm 1992, Viện điều tra Quy hoạch Rừng là đơn vị được giao trách nhiệm xây dựng dự án đầu tư thành lập Vườn Quốc gia Ba Bể. Trong quyết định số 83/TTg ban hành ngày 10/11/1992 Chính phủ cũng đã chính thức phê duyệt dự án đầu tư Vườn Quốc gia Ba Bể (Giai đoạn I). Theo dự án đầu tư, Vườn Quốc gia Ba Bể được thành lập với diện tích là 7.610 ha, bao gồm: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 3.226 ha; phân khu phục hồi sinh thái 3.623 ha; phân khu dịch vụ hành chính 450 ha; và 300 ha diện tích mặt hồ. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cao Bằng đã thành lập Ban quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể ngày 10/11/1992, tuy vậy cho đến năm 1997 vẫn chưa được Bộ NN&PTNT phê chuẩn (Anon 2000). Ngày 03/12/1996, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 911/TTg chuyển giao VQG Ba Bể thuộc UBND Tỉnh Cao Bằng cho Bộ NN&PTNT quản lý. Đến ngày 17/4/2002, Thủ tướng Chính phủ lại ra Quyết định số 51/2002/QĐ-TTg chuyển VQG Ba Bể về trực thuộc UBND Tỉnh Bắc Kạn quản lý. Hiện nay, Ban quản lý có 65 cán bộ, một trụ sở chính và 4 trạm bảo vệ rừng (Chi cục kiểm lâm Tỉnh Bắc Kạn, 2003).

Trong Kế hoạch Hành động Đa dạng sinh học Quốc gia Việt Nam (Chính phủ Việt Nam/GEF 1994) đã đề xuất mở rộng VQG Ba Bể lên 50.000 ha. Trong năm 1995, một dự án đầu tư mở rộng VQG đã được xây dựng, trong dự án này chỉ đề xuất mở rộng VQG Ba Bể thành 23.340 ha (Anon. 1995), tuy nhiên, dự án này chưa được Bộ NN&PTNN phê duyệt.

Trước khi thành lập VQG Ba Bể, Tỉnh Cao Bằng đã được tách trở lại thành hai Tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn, và hiện nay VQG Ba Bể trực thuộc UBND Tỉnh Bắc Kạn.

Ba Bể có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT với diện tích 7.610 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt.

Ngày 17, 18/12/2003. Bộ Môi trường của các nước Đông Nam Á đã chính sửa "Tuyên bố Đông Nam ẽ về các khu di sản" và công nhận 4 VQG là khu di sản của Đông Nam ẽ tại Việt Nam, trong đó có VQG Ba Bể.

Địa hình và thủy văn

VQG Ba Bể có trung tâm là Hồ Ba Bể với chiều dài tới 8 km và chiều rộng tới 800 m. Nằm trên độ cao 178 m, hồ Ba Bể là "hồ tự nhiên trên núi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở Việt Nam". (Scott 1989). Hồ có nhiều đảo đá vôi nhỏ, độ sâu của hồ lên tới 29 m.

Độ cao của vùng dao động khoảng từ 150 đến 1.098 m. Cấu trúc địa chất trong vùng với ưu thế đá vôi với nhiều đỉnh cao lởm chởm, độ phân cắt lớn, các thung lũng, sông suối với các sườn dốc đứng. Cảnh quan núi đá vôi có nhiều hang động, trong đó động Puông là động lớn nhất, dài tới 300 m, đây cũng là nơi có sông Năng chảy qua.

Sông Ta Nam, Nam Cường và Chợ Lèn là nguồn cung cấp nước chính cho Hồ Ba Bể. Các sông này hợp thành hệ thủy phía nam của VQG. Nước Hồ Ba Bể đổ ra sông Năng, là sông chảy qua phần phía bắc của VQG. Sông Năng sau đó chảy về hướng nam gặp sông Lô ở nam Tỉnh Tuyên Quang.

Đa dạng sinh học

Rừng Ba Bể gồm hai kiểu rừng chính là rừng trên núi đá vôi và rừng thường xanh đất thấp. Rừng trên núi đá vôi phân bố trên các sườn núi đá vôi dốc có tầng đất mỏng. Rừng trên núi đá vôi che phủ tỉ lệ lớn diện tích của VQG. Kiểu rừng ưu thế bởi các loài *Burretiodendron hsienmu*, Mạy tèo *Streblus tonkinensis*. Rừng thường xanh đất thấp phân bố ở những sườn thấp và có tầng đất mặt dày hơn. Sự đa dạng về thành phần loài khu hệ thực vật của rừng thường xanh đất thấp cao hơn nhiều so với rừng trên núi đá vôi (Hill *et al.* 1997).

Nhìn chung mức độ tác động từ cộng đồng đến rừng ở đây cao, trong đó khai thác gỗ, và phát rừng làm rẫy là những hoạt động phổ biến đáng được quan tâm chú ý. Hiện chỉ còn lại diện tích rất nhỏ rừng tự nhiên trong VQG là chưa bị tác động (Hill *et al.* 1997).

Đối với khu hệ thú, VQG có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với sự có mặt của một số loài đang bị đe dọa trên toàn cầu như Voọc đen má trắng *Trachypithecus francoisi* và Cây văn bắc *Hemigalus owstoni*, mặc dù vậy chỉ có 1 đàn từ 7-13 cá thể Voọc đen má trắng hiện còn tồn tại trong khu vực (A. Grieser Johns & F. Potess *in litt.* 2004).

Rất ít có khả năng Voọc mũi hếch *Rhinopithecus avunculus*, là loài linh trưởng bị đe dọa toàn cầu ở mức nguy cấp vẫn còn sinh sống ở trong vùng lõi của VQG Ba Bể. Theo nguồn thông tin từ các cán bộ của VQG Ba Bể thì Voọc mũi hếch có thể đã từng xuất hiện ở vùng tây bắc của vườn, gần đây nhất là vào năm 1997 (theo lời N. Lormée 2000). Tuy nhiên, kết quả điều tra gần đây của Birdlife International và FFI chương trình Việt Nam trong khuôn khổ của dự án *Bảo tồn Đa dạng*

sinh học trên cơ sở sinh thái cảnh quan (PARC) trong hai năm 2002-2003 đã chỉ ra rằng không hề có bằng chứng nào cho thấy sự tồn tại của loài này tại VQG Ba Bể (A. Grieser Johns, F. Potess *in litt.* 2004).

Ba Bể có khu hệ Bướm phong phú, hai năm 1997 và 1998 các đợt khảo sát đã ghi nhận 332 loài Bướm cho VQG, trong đó có 22 loài là những phát hiện mới cho khu hệ Bướm Việt Nam (Monastyrskii *et al.* 1998).

Các vấn đề về bảo tồn

Năm 2000, gần 3000 người thuộc các dân tộc Tày, Dao, H'Mông và Kinh sinh sống trong phạm vi ranh giới của VQG (Chi cục Kiểm lâm Tỉnh Bắc Kạn 2000). Tuy nhiên, trong những năm gần đây một số bản làng của người H'Mông và Dao đã được di chuyển, tái định cư ra khỏi khu vực VQG (F. Potess *in litt.* 2004). Hoạt động kinh tế chính của người dân địa phương là canh tác lúa nước, mặc dầu vậy do diện tích đất phù hợp cho sản xuất lúa nước ít nên người dân vẫn phải tham gia các hoạt động săn bắn, khai thác lâm sản trong VQG. Cộng đồng sinh sống ở vùng đệm của VQG cũng tham gia khai thác tài nguyên rừng, đặc biệt là cư dân của các thôn bản nằm dọc theo các đường chính dẫn vào vùng trung tâm VQG (theo lời Nông Thế Diễn, Phó Giám đốc VQG Ba Bể, 2000).

Raintree *et al.* (1999) đã xác định các mối đe dọa lớn nhất đối với Đa dạng sinh học từ các hộ gia đình sinh sống ở vùng đệm là: khai thác gỗ củi trái phép cho nhu cầu sử dụng của hộ gia đình; khai thác trái phép các sản phẩm phi gỗ; săn bắn; mở rộng đất nông nghiệp trong phạm vi VQG; chăn thả gia súc trong VQG; gây ô nhiễm nguồn nước hồ do sử dụng chất nổ và các chất độc thuốc cá; và sự lắng đọng lòng hồ do các hoạt động sản xuất nông nghiệp trong vùng lưu vực của ba con sông chính cung cấp nước cho hồ. Tuy nhiên, việc đánh bắt cá bằng các phương pháp hủy diệt đã và đang được ngăn chặn nhờ các nỗ lực hoạt động trong khuôn khổ dự án PARC cũng như mô hình lồng ghép quản lý mới đang được xây dựng tại Hồ Ba Bể (F. Potess *in litt.* 2004).

Các mối đe dọa khác đối với Đa dạng sinh học tại VQG Ba Bể bao gồm cả việc phát triển cơ sở hạ tầng và du lịch không bền vững. Một con đường mới đã được xây dựng tại khu vực bờ phía nam của hồ Ba Bể làm tăng các tác động, tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận với tài nguyên bên trong VQG. Ngoài ra, hiện đang có đề xuất xây dựng một tuyến đường khác dọc theo sông Năng,

chạy qua khu vực phía bắc VQG (A. Grieser Johns *in litt.* 2004). Hơn thế Raintree *et al.* (1999) đã nhận định rằng các thuyền du lịch hoạt động trên hồ là nguồn cung cấp các chất thải rắn cũng như ô nhiễm nhiên liệu đối với hồ Ba Bể.

Các giá trị khác

Hồ Ba Bể là địa điểm du lịch nổi tiếng. Tổng số 8.733 khách đã đến tham quan, nghỉ lại tại VQG trong năm 2003, trong số đó có 10% là du khách quốc tế (F. Potess *in litt.* 2004). Cùng với hệ thống sông suối trong vùng, hồ Ba Bể đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động giao thông của người dân địa phương. Xuông là phương tiện chính nối tuyến đường ở hai bờ phía đông và phía tây của hồ. Hồ cũng là nơi cung cấp nguồn thủy sản cho người dân địa phương và giữ vai trò quan trọng trong việc điều tiết lũ sông Năng. Như vậy có thể thấy hồ Ba Bể có nhiều chức năng kinh tế và môi trường đối với các địa phương trong vùng và vùng lân cận.

Thảm thực vật rừng của VQG giữ vai trò phòng hộ đầu nguồn hồ Ba Bể. Nếu không có thảm rừng này sẽ dẫn đến xói lở đất do tăng dòng chảy mặt. Hồ sẽ mất khả năng trữ nước vào mùa lũ do lòng hồ bị lắng đọng gây nên những hậu quả lũ lụt nghiêm trọng cho cộng đồng vùng hạ lưu sông Năng.

Các dự án có liên quan

Hiện tại dự án *Thiết lập các khu bảo vệ để bảo tồn tài nguyên trên cơ sở tiếp cận sinh thái cảnh quan (PARC)*. Nội dung của dự án được ký ngày 20/11/1998, mục tiêu của dự án là tiếp cận sinh thái học cảnh quan trong công tác bảo tồn. Nguồn tài trợ chính cho dự án này là Quỹ môi trường toàn cầu, ngoài ra còn có UNDP và Chính phủ Việt Nam đồng tài trợ. Dự án này hiện cũng đang được triển khai tại Khu đề xuất BTTN Na Hang và VQG Yok Đôn.

Viện Kinh tế Sinh thái (Eco-Eco) đó tiến hành các hoạt động ở vùng đệm của VQG Ba Bể trong khuôn khổ của dự án có tên *Sử dụng bền vững lâm sản phi gỗ*. Dự án do Trung Tâm Nghiên cứu các Sản phẩm Phi gỗ thuộc Bộ NN&PTNN thực hiện. Dự án do Chính phủ Hà Lan tài trợ với sự hỗ trợ kỹ thuật của IUCN.

Helvetas và FINNIDA cũng đã thực hiện một số dự án phát triển cộng đồng tại vùng đệm của VQG.

Cuối cùng, chương trình 661 Quốc gia hiện cũng đang tài trợ cho các hoạt động lâm nghiệp tại VQG.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được tiến hành đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Kế hoạch quản lý giai đoạn 2001-2005 đã được Ban quản lý VQG Ba Bể xây dựng với sự tài trợ của dự án PARC. Các hoạt động quản lý ưu tiên đối với Ban quản lý VQG đã được tóm lược trong 4 mục tiêu quản lý gồm:

1. Tăng cường năng lực cho cán bộ VQG nhằm thực hiện các biện pháp bảo tồn Đa dạng sinh học và bảo vệ rừng;
2. Tổ chức điều tra, nghiên cứu, giám sát đa dạng sinh học làm nền tảng cho công tác bảo vệ rừng;
3. Đẩy mạnh việc ký cam kết bảo vệ rừng nhằm phục hồi nhanh diện tích đất rừng;
4. Trợ giúp công tác phát triển cơ sở hạ tầng và cải thiện đời sống cho dân cư địa phương, đặc biệt là các hộ sống trong VQG.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Ba Bể phù hợp với các mục đích đầu tư của VCF do đáp ứng được các tiêu chí A, B và C.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	NH2- Cao nguyên đá vôi Bắc bộ
A _{II}	
B _I	Quyết định số 83/TTg ngày 10/11/1992
B _{II}	VQG
B _{III}	Chịu sự quản lý của UBND Tỉnh
C _I	Ban quản lý đã thành lập
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Anon. (1992) Natural and social conditions.
Unpublished report to the State Committee on Ethnic
Minorities and Mountainous Areas.